

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng; kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-

BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất đến tháng 6 năm 2024

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt:

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 3.991,11 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 2,03 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến tháng 6 năm 2024:

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 50,29 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 1,58 ha.

(Cụ thể có Biểu tổng hợp kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án đầu tư như: lập, phê duyệt dự án đầu tư; bố trí nguồn vốn đầu tư; lập quy hoạch chi tiết; lập, phê duyệt dự toán thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; xin giấy phép xây dựng; các thủ tục về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng rừng... nên việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án không hoàn thành trong một năm mà kéo dài nhiều năm mới hoàn thành triển khai dự án đầu tư.

3. Đề xuất danh mục dự án bổ sung, điều chỉnh thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật liên quan; đồng thời, các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng khi đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất thì số liệu diện tích một số loại đất cần thu hồi có sự thay đổi hoặc bổ sung địa điểm để thực hiện.

Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Cụ thể như sau:

1. Bổ sung mới 70 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 23 dự án đồng thời chuyển mục đích sử

dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 130,56 ha, trong đó: 17,09 ha đất trồng lúa; 2,19 ha đất rừng phòng hộ và 111,28 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 10 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất là 3,97 ha, trong đó: 3,36 ha đất trồng lúa và 0,61 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 và Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, cụ thể:

- Trước điều chỉnh: Diện tích 21,88 ha, trong đó: 0,47 ha đất trồng lúa; và 21,41 ha các loại đất khác.

- Sau điều chỉnh: Diện tích 22,57 ha (tăng 0,69 ha), trong đó: 0,62 ha đất trồng lúa (tăng 0,15 ha) và 21,95 ha các loại đất khác (tăng 0,54 ha).

Lý do điều chỉnh: Trước đây chủ đầu tư dự án tổng hợp diện tích và vị trí thực hiện dự án theo số liệu được tư vấn khảo sát sơ bộ nên không hoàn toàn chính xác. Hiện nay, chủ đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ khảo sát thực địa và tiến hành đo đạc, chỉnh lý địa chính chính xác theo hiện trạng sử dụng đất nên xác định có sự thay đổi về diện tích các loại đất và vị trí thực hiện dự án. Vì vậy, dự án cần có sự điều chỉnh nhằm đảm bảo tính pháp lý trong triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 1129/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

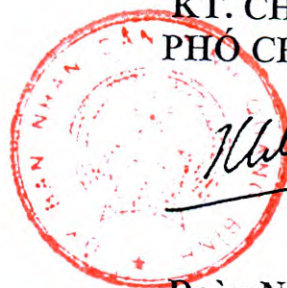
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT và NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN và MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số: **42/16** /TT-UBND ngày **01** tháng **7** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Phụ lục 1

hcm.vl.thh-ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ								
I Huyện Quảng Trạch				75,78	17,09	2,19	56,50	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc cầu Thuận Hoà, xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Liên Trường	Quảng Trạch	4,81	3,46		1,35	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 02/5/2024 của HĐND huyện Quảng Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện quản lý
2	Hạ tầng khu dân cư khu vực trạm thu phí, thôn Nam Lãn, xã Quảng Phú	Quảng Phú	Quảng Trạch	4,95	4,41		0,54	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 02/5/2024 của HĐND huyện Quảng Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện quản lý
3	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình	Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Phương, Quảng Xuân	Quảng Trạch	0,03	0,01		0,02	Quyết định số 3056/QĐ-BCT ngày 28/8/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án
4	Khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đường dây 500kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	Quảng Đông	Quảng Trạch	1,38	1,03		0,35	Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 01/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 305/QĐ-HĐTV ngày 15/12/2023 của Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia về việc phê duyệt Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu
5	Dự án Khu dân cư nông thôn phía Bắc Quốc lộ 12A	Liên Trường	Quảng Trạch	5,43	2,56		2,87	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình; Công văn số 5622/VP/UBND-TH ngày 18/12/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc khảo sát, nghiên cứu, triển khai các thủ tục đầu tư Dự án Khu dân cư nông thôn phía Bắc Quốc lộ 12A, xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch
II Huyện Quảng Ninh				49,95	2,99	2,17	44,79	
6	Khu tái định cư và Khu dân cư xã Xuân Ninh (Phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Vị trí 3)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	0,38	0,36		0,02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
7	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân di xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	18,62		2,17	16,45	Công văn số 1038/TTg-NN ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án; Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Bình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
8	Khu dân cư nông thôn ven sông Nhật Lệ	Võ Ninh	Quảng Ninh	30,95	2,63		28,32	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/2/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình; Công văn số 5191/VPUBND-TH ngày 15/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện các thủ tục đầu tư Dự án Khu đô thị Võ Ninh, huyện Quảng Ninh; Dự án Khu đô thị ven sông Nhật Lệ, huyện Quảng Ninh
III	Huyện Bố Trạch			0,55	0,34	0,02	0,19	
9	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Tân Trạch, Thượng Trạch	Bố Trạch	0,09	0,02	0,02	0,05	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
10	Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	0,20	0,17		0,03	Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND thị trấn Phong Nha về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thị trấn Phong Nha (nguồn vốn ngân sách thị trấn quản lý)
11	Dự án Hạ tầng kỹ thuật các lô đất lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khai thác quỹ đất ở khu vực ngã ba Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Trung Trạch, TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,26	0,15		0,11	Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai
IV	Thành phố Đồng Hới			0,85	0,85			
12	Xây dựng đường vào nhà máy xử lý nước thải thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	0,68	0,68			Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố Đồng Hới về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (nguồn ngân sách thành phố quản lý)-(Điều chỉnh lần 2)
13	Nhà văn hoá Diêm Hải, phường Phú Hải (nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố Diêm Hải, phường Phú Hải)	Phú Hải	Đồng Hới	0,16	0,16			Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND phường Phú Hải về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022
14	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (phần diện tích đất còn lại chưa giao)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,01	0,01			Công văn số 20/HĐND-VP ngày 26/02/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3353/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông
V	Huyện Minh Hoá			6,00	1,19		4,81	
15	Đường giao thông nông thôn nội vùng, nội đồng thôn Tân Lý và thôn Lạc Thiện xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	2,11	0,08		2,03	Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phân bổ chi tiết đối ứng ngân sách địa phương (đầu tư phát triển) giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
16	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân Tiến, thôn Yên Thắng, thôn Yên Định, xã Yên Hòa	Yên Hòa	Minh Hoá	0,68	0,05		0,63	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
17	Đường cấp phối dân sinh thôn Tân Tiến và thôn Yên Thắng	Yên Hòa	Minh Hoá	0,35	0,01		0,34	Nghị quyết số 40/NQ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của HĐND xã Yên Hòa về việc phê duyệt CĐT xây dựng các dự án trên địa bàn và trả nợ công trình sửa chữa Nhà bia tưởng niệm xã Yên Hòa
18	Xây dựng đường dân sinh các thôn xã Yên Hòa	Yên Hòa	Minh Hoá	1,59	0,09		1,50	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
19	Xây dựng Sân vận động xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	0,90	0,65		0,25	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa Điều chỉnh Danh mục dự án, công trình thực hiện nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
20	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 Kim Bảng, xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	0,09	0,09			Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Minh Hóa năm 2023
21	Đấu giá quyền sử dụng đất (Đất lúa khu vực Ma Lân thôn 1 Kim Bảng)	Minh Hóa	Minh Hoá	0,28	0,22		0,06	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của HĐND xã Minh Hóa về việc thông nhất chủ trương, phương án đấu tư đấu giá quyền sử dụng đất;
VI	Huyện Tuyên Hoá			1,57	0,02		1,55	
22	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường nội thị phía Tây Nam thị trấn Đồng Lê	thị trấn Đồng Lê, Sơn Hoá	Tuyên Hoá	1,57	0,02		1,55	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện Tuyên Hoá về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường nội thị phía Tây Nam thị trấn Đồng Lê
VII	Huyện Lệ Thủy			0,26	0,23		0,03	
23	Đất ở tại nông thôn xã Mai Thủy	Mai Thủy	Lệ Thủy	0,26	0,23		0,03	Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)							
I	Huyện Quảng Ninh						
1	Tuyến đường nối từ Đường ven biển đi Trụ sở công an xã	Hải Ninh	Quảng Ninh	0,22		0,22	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2024 (nguồn vốn ngân sách xã quản lý)
2	Phát triển quỹ đất ở VT1 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	0,47		0,47	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư để thực hiện dự án phát triển quỹ đất ở VT1 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)
3	Phát triển quỹ đất ở VT2 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	0,47		0,47	Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư để thực hiện dự án phát triển quỹ đất ở VT2 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)
II	Thành phố Đồng Hới						
4	Nâng cấp đường Tạ Quang Bửu, thành phố Đồng Hới (Giai đoạn 1)	Nam Lý	Đồng Hới	0,01		0,01	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn thành phố quản lý
5	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	0,41		0,41	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Quang Phú về bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
6	Xây dựng tuyến đường trước trụ sở làm việc UBND xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	0,61		0,61	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Quang Phú về bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
7	Xây dựng mương thoát lũ nối từ thôn Đức Phong về đường Điện Biên Phủ	Đức Ninh	Đồng Hới	2,50		2,50	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của HĐND xã Đức Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 4/8/2022 của HĐND xã Đức Ninh

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
8	Xây mới Nhà văn hoá Tô dân phố Nam Thành, phường Đồng Hải	Đồng Hải	Đồng Hải	0,03			0,03	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND phường Đồng Hải về điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn chưa phân bổ năm 2022 tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 (lần thứ 2) và kế hoạch đầu tư công năm 2023 của phường Đồng Hải
9	Nhà văn hoá thôn Trung Nghĩa 4, xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	Đồng Hải	0,08			0,08	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Nghĩa Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà văn hoá thôn Trung Nghĩa 4, xã Nghĩa Ninh
III	Huyện Minh Hoá			43,16			43,16	
10	Đường nối từ quốc lộ 12A qua Đồn Biên phòng Ra Mai vào bản Cha Cáp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trọng Hoá	Minh Hoá	7,70			7,70	Quyết định số 6476/QĐ-BQP ngày 11/12/2023 của Bộ Quốc phòng phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Đường đến các tổ, chốt và ra các mốc Quốc giới/Bộ đội Biên phòng
11	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ nhà ông Mười đi Hưng Co Do thôn Lâm Hóa, xã Hóa Hợp	Hóa Hợp	Minh Hoá	0,28			0,28	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
12	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Tân Thuận, thôn Tân Lợi xã Hóa Hợp	Hóa Hợp	Minh Hoá	0,49			0,49	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
13	Xây dựng đường vào khu sản xuất và nghĩa địa bản K - Ai	Dân Hóa	Minh Hoá	0,23			0,23	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa
14	Xây dựng đường giao thông thôn Kiên Trinh (tuyến từ nhà ông Đinh Xuân Duy đi đường vào thao trường bản)	Hóa Phúc	Minh Hoá	0,17			0,17	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
15	Đường giao thông nông thôn từ nhà chị Thu đến lèn Xương Cưa thôn Yên Vân	Hóa Tiến	Minh Hoá	2,73			2,73	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa
16	Đường giao thông nội thôn Yên Vân	Hóa Tiến	Minh Hoá	0,06			0,06	Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Minh Hóa Điều chỉnh phân bổ nguồn vốn các công trình, dự án thuộc Dự án 9 nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa năm 2024
17	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vào khu Công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp làng nghề huyện (điểm xã Hồng Hóa, khu vực cầu Ròong), giai đoạn 1	Hồng Hóa	Minh Hoá	0,35			0,35	Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Minh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vào khu Công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp làng nghề huyện (điểm xã Hồng Hóa, khu vực cầu Ròong), giai đoạn 1
18	Đường liên thôn bản Ba Lóc đến Đoàn bộ và đi Ka Vi	Dân Hóa	Minh Hoá	1,78			1,78	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quận khu 4
19	Đường nội bản vào khu tái định cư Khe Sanh (2 tuyến)	Dân Hóa	Minh Hoá	0,43			0,43	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quận khu 4
20	Đường nội thôn Thuận Hóa đi đội sản xuất, khu tái định cư Mụ Tây (2 tuyến)	Hóa Sơn	Minh Hoá	1,58			1,58	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quận khu 4
21	Đường nội thôn Bản Ôn	Thượng Hóa	Minh Hoá	1,10			1,10	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quận khu 4

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã đến bản Lương Năng, xã Hòa Sơn (giai đoạn 1)	Hòa Sơn	Minh Hoá	2,91			2,91	Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Minh Hóa Điều chỉnh phân bổ nguồn vốn các công trình, dự án thuộc Dự án 9 nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa năm 2024
23	Sửa chữa ngầm tràn và đường giao thông nông thôn bản K - Ai	Dân Hóa	Minh Hoá	0,90			0,90	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa
24	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn các bản Ốc, Y Leng, xã Dân Hóa	Dân Hóa	Minh Hoá	0,21			0,21	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa
25	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản K-Ai, xã Dân Hóa (2 tuyến)	Dân Hóa	Minh Hoá	1,57			1,57	Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Minh Hóa Điều chỉnh phân bổ nguồn vốn các công trình, dự án thuộc Dự án 9 nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa năm 2024
26	Kè chống sạt lở đồi núi thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (Giai đoạn 1)	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	4,00			4,00	Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL 21)
27	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Hóa Sơn	Minh Hoá	1,50			1,50	Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa
28	Xây dựng Nhà văn hóa bản Khe Cây, xã Trọng Hóa	Trọng Hóa	Minh Hoá	0,04			0,04	Quyết định 1940/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Minh Hóa về việc phân bổ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn huyện Minh Hóa năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
29	Xây dựng Nhà văn hóa bản Si, xã Trọng Hóa	Trọng Hóa	Minh Hoá	0,04			0,04	Quyết định 1940/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Minh Hóa về việc phân bổ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn huyện Minh Hóa năm 2023
30	Xây dựng nhà văn hóa Tổ dân phố 9, thị trấn Quy Đạt	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	0,16			0,16	Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Minh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện
31	Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bố trí ổn định dân cư tại chỗ kết hợp xen ghép dân cư bản Ốc, xã Dân Hóa	Dân Hóa	Minh Hoá	3,00			3,00	Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Minh Hóa về phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa (đợt 1)
32	Xây dựng khu tái định cư Khe Sanh	Dân Hóa	Minh Hoá	0,94			0,94	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quân khu 4
33	Xây dựng khu tái định cư Mụ Tày, Lèn I, Phá	Hóa Sơn	Minh Hoá	3,99			3,99	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quân khu 4
34	Xây dựng Khu tái định cư bản Ôn, xã Thượng Hóa	Thượng Hóa	Minh Hoá	4,55			4,55	Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế -quốc phòng Minh Hoá - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/ Quân khu 4
35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật dân cư bản Mò o Ó xã Thượng Hóa (giai đoạn 1)	Thượng Hóa	Minh Hoá	2,30			2,30	Quyết định số 236/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa về phân bổ chi tiết danh mục công trình dự án bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Minh Hóa

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Chi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện			Đất trồng lúa	Đất rừng hộ	Các loại đất khác	
36	Xây dựng trụ sở cơ quan UBND huyện Minh Hóa	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	0,15			0,15	Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Minh Hóa điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện	
IV	Huyện Tuyên Hoá			1,78			1,78		
37	Dường nội thôn thôn 3 Bắc Sơn (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế Quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/Quần khu 4)	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	1,41			1,41	Quyết định 4581/QĐ-BQP ngày 21/9/2023 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế Quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình/Quần khu 4	
38	Điểm trường Mầm Non Thanh Lạng (Điểm trường bản Cả Xen)	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0,20			0,20	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND huyện Tuyên Hoá về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Tuyên Hoá (đợt 1)	
39	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 4 thôn xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hoá	Thanh Thạch	Tuyên Hóa	0,09			0,09	Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 4 thôn xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hoá;	
40	Xây dựng hệ thống cấp mới nước sinh hoạt từ khe Dèng cho 4 thôn xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hoá	Kim Hóa	Tuyên Hóa	0,08			0,08	Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt từ khe Dèng cho 4 thôn xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hoá	
V	Huyện Bố Trạch			5,04			5,04		
41	Khắc phục khẩn cấp hồ Khe Chè và tuyến đường phía hạ lưu tràn xả lũ tại xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	1,93			1,93	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 3/4/2024 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2024	
42	Mở rộng trụ sở UBND xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,33			0,33	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND xã Xuân Trạch về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024	
43	Mở rộng khuôn viên trường THCS Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,64			0,64	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND xã Xuân Trạch về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
44	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn Khương Hà 4, xã Hưng Trạch (nay là Khu vực thôn Khương Hà 2)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0,50			0,50	Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để đầu tư thực hiện dự án
45	Nghĩa trang nhân dân khu vực thôn 7, xã Lâm Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,90			0,90	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 29/5/2024 của HĐND xã Lâm Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
46	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn 6, xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,30			0,30	Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Lâm Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn 6, xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch
47	Khu vui chơi giải trí công cộng xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,44			0,44	Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Lâm Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khu vui chơi giải trí công cộng xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch
Tổng (A + B): 70 công trình, dự án				130,56	17,09	2,19	111,28	

Ghi chú: 70 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

(kèm theo thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Tờ trình số: **1216** /TT-UBND ngày **01** tháng **7** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Huyện Quảng Trạch			2,81	2,33		0,48	
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Phú	Quảng Phú	Quảng Trạch	0,20	0,07		0,13	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
2	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,36	0,25		0,11	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
3	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0,15	0,15			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
4	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Thanh	Quảng Thanh	Quảng Trạch	0,26	0,24		0,02	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0,21	0,21			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
6	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp Quảng Trạch	Quảng Hưng	Quảng Trạch	1,63	1,41	0,22	Quyết định số 918/QĐ-KKT ngày 24/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (cấp lần đầu: 18/01/2019, điều chỉnh lần thứ nhất: 21/5/2020, điều chỉnh lần thứ 2: 24/7/2023)	
II	Huyện Quảng Ninh			0,78	0,75	0,03		
1	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Phong Dương	Lương Ninh	Quảng Ninh	0,41	0,38	0,03	Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.	
2	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Khánh Huyền	Gia Ninh	Quảng Ninh	0,37	0,37		Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
III	Huyện Tuyên Hoá			0,21	0,20	0,01		
1	Trụ sở Công an xã Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0,21	0,20	0,01	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"; Nghị quyết số 34/NQ-HND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện Tuyên Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công	
IV	Huyện Bố Trạch			0,17	0,08	0,09		
1	Trụ sở công an xã Đại Trạch	Đại Trạch	Bố Trạch	0,17	0,08	0,09	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"	
Tổng cộng: 10 dự án				3,97	3,36	0,61		

Ghi chú: 10 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số: **4216** /TT-UBND ngày **01** tháng **7** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022	Đã phê duyệt		20,00			20,00	
		Nay điều chỉnh		20,63			20,63	
I	Khu đô thị Hải Ninh 2	Đã phê duyệt		20,00			20,00	Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư
		Nay điều chỉnh		20,63			20,63	
II	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		1,33	0,47		0,86	
		Nay điều chỉnh		1,36	0,62		0,74	
I	Đường nối từ bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh đến đường Phong Nha	Đã phê duyệt		0,35			0,35	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 21/12/2020 của HĐND thành phố Đồng Hới
		Nay điều chỉnh		0,35			0,27	
2	Đường vào thôn Diêm Sơn sát đường tránh thành phố	Đã phê duyệt		0,98	0,47		0,51	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới
		Nay điều chỉnh		1,01	0,54		0,47	
III	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã phê duyệt		0,52			0,52	
		Nay điều chỉnh		0,53			0,53	
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đã phê duyệt		0,52			0,52	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
		Nay điều chỉnh		0,53			0,53	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
IV	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Đã phê duyệt		0,03			0,03	
1	Bồi thường, tái định cư thực hiện dự án Xây dựng công trình Hệ thống thủy lợi Rào Nan	Nay điều chỉnh		0,05			0,05	
		Quảng Sơn	Ba Đồn	0,03			0,03	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Tờ trình số 91/TT-Tr-UBND ngày 14/6/2024 của UBND thị xã Ba Đồn
	Tổng cộng (I+II+III+IV): 05 dự án	Đã phê duyệt		21,88	0,47		21,41	
		Nay điều chỉnh		22,57	0,62		21,95	

Ghi chú: 05 Công trình điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03g): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÀ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: **016** /TT-UBND ngày **01** tháng **7** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hình mục	Đất trồng lúa (ha)												Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Chi trả (Chi số thời gian, trích quyền, trích yêu văn bản)					
		Toàn tỉnh						Trong đó						Toàn tỉnh	Trong đó	Toàn tỉnh	Trong đó						
		Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đông Hòa	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đông Hòa	Huyện Bố Trạch						Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	3.489,03	542,40	356,96	506,40	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0	
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																						
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																						
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 cấp huyện	3.489,03	542,40	356,96	506,40	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0	
2	Kết quả thực hiện	50,29	9,27	15,67	4,95	4,21	5,53	10,66	-	-	1,58	-	1,58	-	-	-	-	-	-	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																						
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										1,58		1,58										
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																						
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	50,29	9,27	15,67	4,95	4,21	5,53	10,66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																						
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																						
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	3.438,74	533,13	341,29	501,45	1.017,29	527,58	378,53	82,06	57,41	498,47	161,59	22,46	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0	

**BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LÊ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH**
(Kèm theo Từ trình số: 126 TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Xã Xuân Thủy	Xã Phú Thủy	TT NT Lê Ninh	TT Kiên Giang	Trong đó			Xã Mai Thủy	Xã Phong Thủy	Xã An Thủy	Các xã, thị trấn còn lại	Toàn huyện	Toàn huyện	
							Xã Xuân Thủy	Xã Sơn Thủy	Xã Mai Thủy							
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	512,40	39,77	30,77	23,71	86,81	14,08	23,51	99,78	17,24	206,73		161,59	2,03	Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lê Thủy	
2	Kết quả thực hiện	9,27	0,15	1,57	3,92	2,13	0,53	0,36	0,18	0,13						
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất															
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	9,27	0,15	1,57	3,92	2,13	0,53	0,36	0,18	0,13					<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/2/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho UBND xã Xuân Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy, huyện Lê Thủy. • Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để dân giả quyền sử dụng đất cho thuê thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Lê Ninh tại TT Nông trường Lê Ninh, huyện Lê Thủy. • Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để dân giả quyền sử dụng đất cho thuê thực hiện Dự án trạm kinh doanh xăng dầu kết hợp dịch vụ tổng hợp Lê Ninh tại thị trấn Nông trường Lê Ninh, huyện Lê Thủy. • Quyết định 294/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng đồng hợp Xuân Giang thuê đất để thực hiện dự án Khu kinh doanh vật liệu xây dựng - cá phê giải khát Xuân Giang tại thị trấn Kiên Giang, huyện Lê Thủy • Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lê Thủy để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thị trấn Nông trường Lê Ninh • Quyết định 245/QĐ-UBND ngày 01/2/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lê Thủy để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Phú Thủy • Quyết định 175/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lê Thủy thực hiện Dự án Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lê Thủy. • Quyết định 653/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 về việc giao đất để xây dựng trụ sở công an xã Sơn Thủy. • Quyết định 903/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 về việc giao đất để xây dựng Doanh trại BCH QS huyện Lê Thủy (đợt 2); • Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 9/5/2024 về việc giao đất để xây dựng đường đê lịch sử xã TP Đông Hải với vùng Nam tỉnh Quảng Bình. • Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 5/6/2024 về việc giao đất để xây dựng trụ sở công an xã Phong Thủy, huyện Lê Thủy. 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại															
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện															
4	Diện tích đất cần lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	533,13	39,32	29,20	19,79	84,68	13,55	23,15	99,60	17,11	206,73		161,59	2,03		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 16/TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chi chú (Chi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thành phố	Phường Bắc Nghĩa	Xã Lộc Ninh	Phường Bắc Lý	Xã Đức Ninh	Phường Đồng Phú			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	506,40	86,11	64,91	65,30	78,88	58,32	152,88	0	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới
2	Kết quả thực hiện	4,95	0,02	2,24	0,08	2,39	0,22	-	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,95	0,02	2,24	0,08	2,39	0,22	0		<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho Sở Văn hóa Thể thao thực hiện dự án Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (Đợt 1); • Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung thuê đất để thực hiện dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV từ TBA 220KV Đồng Hới- TBA 110KV Đồng Hới tại phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới; • Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TDP 9 tại phường Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); • Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở khu vực Đồng Bình Bản tại xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); • Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh về Giao đất thực hiện Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thăng (Đợt 1) • Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về Giao đất xây dựng Trụ sở làm việc của Công an phường Đồng Phú tại TDP 3 (Đợt 1) • Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 về việc giao đất để xây dựng trụ sở công an xã Lộc Ninh.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (d = 1 - 2 + 3)	501,45	86,09	62,67	65,22	76,49	58,10	152,88		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 126/TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Tầng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú
		Trong đó												
		Toàn huyện	Xã Hạ Trạch	Xã Đãi Trạch	Xã Liên Trạch	Xã Cư Năm	Xã Hải Phú	Xã Tây Trạch	TT Phong Nha	Xã Mỹ Trạch	Các xã còn lại			
1	Chai tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.021,50	59,86	72,59	13,38	249,97	27,00	13,59	94,59	11,52	479,00	24,03		Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch
2	Kết quả thực hiện	4,21	0,20	0,32	1,41	0,73	0,39	0,48	0,47	0,21				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất													
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,21	0,20	0,32	1,41	0,73	0,39	0,48	0,47	0,21				<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 17/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD để đầu tư cho thuê quyền sử dụng đất thực hiện Dự án của hãng xăng dầu Hà Trạch tại xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch • Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thành Phương thuê đất để thực hiện dự án Trung tâm phân phối vật liệu xây dựng Miền Trung tại xã Đãi Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình • Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, xã Liên Trạch tại xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình • Quyết định số 294/IOĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, xã Cư Năm tại xã Cư Năm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình • Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư Khu vực thôn Hải Môn, xã Cư Năm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình • Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 30/11/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Tọa quy đất ở Tô dân phố Cửu Lạc 1 tại thị trấn Phong Nha • Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư Khu vực thôn Mũi xã Tây Trạch • Quyết định 574/QĐ-UBND ngày 13/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Dự án Tọa quy đất ở khu vực thôn Quy Thuận • Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về việc giao đất để xây dựng trụ sở công an xã Mỹ Trạch.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại													
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện													
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.017,29	59,66	72,27	11,97	249,24	26,61	13,11	94,12	11,31	479,00	24,03		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c); TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1216/TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)							Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chị chủ (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Phường Quảng Phong	Xã Quảng Hoà	Trong đó			Toàn thị xã			
					Phường Quảng Thuận	Xã Quảng Lộc	Các xã, phường còn lại				
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	52,60	36,98	40,42	50,40	352,71	97,00	Toàn thị xã	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn	
2	Kết quả thực hiện	5,53	2,87	1,95	0,29	0,42					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất										
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	5,53	2,87	1,95	0,29	0,42				<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư trung tâm Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Tiên Phong * Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc giao đất thực hiện hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm xã Quảng Hòa * Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc thuê đất xây dựng Dự án Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh DVTH Ba Đồn; * Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 về việc thuê đất để XD Cửa hàng xăng dầu và các dịch vụ kèm theo tại xã Quảng Hòa; * Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 về việc thuê đất để thực hiện dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiên Đạt; * Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 về việc thuê đất để XD Khu dịch vụ tổng hợp Hoàng Huy tại xã Quảng Lộc. 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại										
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện										
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	527,58	49,73	35,03	40,13	49,98	352,71	97,00			

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Toàn huyện	Toàn huyện	Chi chú (Chỉ số thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó														
		Toàn huyện	Xã Quảng Phú	Xã Quảng Đông	Xã Quảng Phương	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Hợp	Xã Phú Hòa	Các xã còn lại							
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	389,19	73,12	77,06	77,38	13,62	12,34	2,69	132,98	22,14			Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch			
2	Kết quả thực hiện	10,66	2,56	2,42	0,55	0,99	3,13	1,01								
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư															
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất															
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	10,66	2,56	2,42	0,55	0,99	3,13	1,01					<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt và giao đất cho UBND xã Quảng Phú quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch Khu dân cư thôn Nam Lãnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch. • Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới tại thôn Đông Hưng, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. • Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án HTKT Khu trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hồn La thuộc Khu Kinh tế Hồn La tại xã Quảng Đông huyện Quảng Trạch • Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án xây dựng công trình đường dây 500 KV Quảng Trạch - Vũng Áng và Sân phân phối Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, đơn vị quản lý xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch • Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1) • Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại Đông Cho, thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch • Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 về việc phê duyệt dự án HTKT Khu nghĩa trang nhân dân xã Phú Hòa. • Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 9/4/2024 về việc giao đất để thực hiện dự án khu di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp. 			
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại															
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện															
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	378,53	70,56	74,64	76,83	12,63	9,21	1,68	132,98	22,14						

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1216 TT-T-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)		Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện		Toàn huyện		Toàn huyện		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	82,06		41,78				Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện							
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	82,06		41,78				

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÒA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 12/16 TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất			Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		trồng lúa (ha)	rừng phòng hộ (ha)	rừng đặc dùng (ha)	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023	57,41	76,70		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	57,41	76,70		

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung mới 70 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 23 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng

đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 130,56 ha, trong đó: 17,09 ha đất trồng lúa; 2,19 ha đất rừng phòng hộ và 111,28 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 10 dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất là 3,97 ha, trong đó: 3,36 ha đất trồng lúa và 0,61 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, cụ thể:

- Trước điều chỉnh: Diện tích 21,88 ha, trong đó: 0,47 ha đất trồng lúa và 21,41 ha các loại đất khác.

- Sau điều chỉnh: Diện tích 22,57 ha (tăng 0,69 ha), trong đó: 0,62 ha đất trồng lúa (tăng 0,15 ha) và 21,95 ha các loại đất khác (tăng 0,54 ha).

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 17 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục I

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số:

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ							
I	Huyện Quảng Trạch			16,60	11,47		5,13
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc cầu Thuận Hoà, xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Liên Trường	Quảng Trạch	4,81	3,46		1,35
2	Hạ tầng khu dân cư khu vực trạm thu phí, thôn Nam Lành, xã Quảng Phú	Quảng Phú	Quảng Trạch	4,95	4,41		0,54
3	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình	Quảng Phú, Quảng Đông, Quảng Phương, Quảng Xuân	Quảng Trạch	0,03	0,01		0,02
4	Khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đường dây 500kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	Quảng Đông	Quảng Trạch	1,38	1,03		0,35
5	Dự án Khu dân cư nông thôn phía Bắc Quốc lộ 12A	Liên Trường	Quảng Trạch	5,43	2,56		2,87

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
II	Huyện Quảng Ninh			49,95	2,99	2,17	44,79
6	Khu tái định cư và Khu dân cư xã Xuân Ninh (Phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Vị trí 3)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	0,38	0,36		0,02
7	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	18,62		2,17	16,45
8	Khu dân cư nông thôn ven sông Nhật Lệ	Võ Ninh	Quảng Ninh	30,95	2,63		28,32
III	Huyện Bố Trạch			0,55	0,34	0,02	0,19
9	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Tân Trạch, Thượng Trạch	Bố Trạch	0,09	0,02	0,02	0,05
10	Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	0,20	0,17		0,03
11	Dự án Hạ tầng kỹ thuật các lô đất lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khai thác quỹ đất ở khu vực ngã ba Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Trung Trạch, TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,26	0,15		0,11
IV	Thành phố Đồng Hới			0,85	0,85		
12	Xây dựng đường vào nhà máy xử lý nước thải thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	0,68	0,68		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
13	Nhà văn hoá Diêm Hải, phường Phú Hải (nhà sinh hoạt cộng đồng Tở dân phố Diêm Hải, phường Phú Hải)	Phú Hải	Đồng Hới	0,16	0,16		
14	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (phần diện tích đất còn lại chưa giao)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,01	0,01		
V	Huyện Minh Hoá			6,00	1,19		4,81
15	Đường giao thông nông thôn nội vùng, nội đồng thôn Tân Lý và thôn Lạc Thiện xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	2,11	0,08		2,03
16	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân Tiến, thôn Yên Thẳng, thôn Yên Định, xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hoá	0,68	0,05		0,63
17	Đường cấp phối dân sinh thôn Tân Tiến và thôn Yên Thẳng	Yên Hóa	Minh Hoá	0,35	0,01		0,34
18	Xây dựng đường dân sinh các thôn xã Yên Hóa	Yên Hóa	Minh Hoá	1,59	0,09		1,50
19	Xây dựng Sân vận động xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	0,90	0,65		0,25
20	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 Kim Bảng, xã Minh Hóa	Minh Hóa	Minh Hoá	0,09	0,09		
21	Đấu giá quyền sử dụng đất (Đất lúa khu vực Ma Lấn thôn 1 Kim Bảng)	Minh Hóa	Minh Hoá	0,28	0,22		0,06
VI	Huyện Tuyên Hoá			1,57	0,02		1,55
22	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường nội thị phía Tây Nam thị trấn Đồng Lê	thị trấn Đồng Lê, Sơn Hoá	Tuyên Hoá	1,57	0,02		1,55
VII	Huyện Lệ Thủy			0,26	0,23		0,03
23	Đất ở tại nông thôn xã Mai Thủy	Mai Thủy	Lệ Thủy	0,26	0,23		0,03

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)							
I	Huyện Quảng Ninh						
1	Tuyến đường nối từ Đường ven biển đi Trụ sở công an xã	Hải Ninh	Quảng Ninh	1,16			1,16
2	Phát triển quỹ đất ở VT1 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	0,22			0,22
3	Phát triển quỹ đất ở VT2 tại thôn Liên Xuân, xã Trường Sơn (giai đoạn 1)	Trường Sơn	Quảng Ninh	0,47			0,47
II	Thành phố Đồng Hới						
4	Nâng cấp đường Tạ Quang Bửu, thành phố Đồng Hới (Giai đoạn 1)	Nam Lý	Đồng Hới	3,64			3,64
5	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	0,01			0,01
6	Xây dựng tuyến đường trước trụ sở làm việc UBND xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	0,41			0,41
7	Xây dựng mương thoát lũ nối từ thôn Đức Phong về đường Điện Biên Phủ	Đức Ninh	Đồng Hới	0,61			0,61
				2,50			2,50

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
8	Xây mới Nhà văn hoá Tổ dân phố Nam Thành, phường Đồng Hải	Đồng Hải	Đồng Hới	0,03			0,03
9	Nhà văn hoá thôn Trung Nghĩa 4, xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0,08			0,08
III	Huyện Minh Hoá			43,16			43,16
10	Đường nối từ quốc lộ 12A qua Đồn Biên phòng Ra Mai vào bản Cha Cáp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trọng Hoá	Minh Hoá	7,70			7,70
11	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ nhà ông Mười đi Hung Co Do thôn Lâm Hóa, xã Hóa Hợp	Hoá Hợp	Minh Hoá	0,28			0,28
12	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Tân Thuận, thôn Tân Lợi xã Hóa Hợp	Hoá Hợp	Minh Hoá	0,49			0,49
13	Xây dựng đường vào khu sản xuất và nghĩa địa bản K - Ai	Dân Hóa	Minh Hoá	0,23			0,23
14	Xây dựng đường giao thông thôn Kiên Trinh (tuyến từ nhà ông Đình Xuân Duy đi đường vào thao trường bản)	Hóa Phúc	Minh Hoá	0,17			0,17
15	Đường giao thông nông thôn từ nhà chị Thu đến lên Xương Cưa thôn Yên Vân	Hóa Tiến	Minh Hoá	2,73			2,73
16	Đường giao thông nội thôn Yên Vân	Hóa Tiến	Minh Hoá	0,06			0,06

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
17	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vào khu Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp làng nghề huyện (điểm xã Hồng Hóa, khu vực cầu Ròong), giai đoạn 1	Hồng Hóa	Minh Hoá	0,35			0,35
18	Đường liên thôn bản Ba Lóc đến Đoàn bộ và đi Ka Vi	Dân Hóa	Minh Hoá	1,78			1,78
19	Đường nội bản vào khu tái định cư Khe Sanh (2 tuyến)	Dân Hóa	Minh Hoá	0,43			0,43
20	Đường nội thôn Thuận Hóa đi đội sản xuất, khu tái định cư Mụ Tây (2 tuyến)	Hóa Sơn	Minh Hoá	1,58			1,58
21	Đường nội thôn Bản Ôn	Thượng Hóa	Minh Hoá	1,10			1,10
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã đến bản Lương Năng, xã Hóa Sơn (giai đoạn 1)	Hóa Sơn	Minh Hoá	2,91			2,91
23	Sửa chữa ngàm tràn và đường giao thông nông thôn bản K. Ai	Dân Hóa	Minh Hoá	0,90			0,90
24	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn các bản Ốc, Y Leng, xã Dân Hóa	Dân Hóa	Minh Hoá	0,21			0,21
25	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản K-Ai, xã Dân Hóa (2 tuyến)	Dân Hóa	Minh Hoá	1,57			1,57
26	Kè chống sạt lở đồi núi thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (Giai đoạn I)	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	4,00			4,00
27	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Hóa Sơn	Minh Hoá	1,50			1,50

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
28	Xây dựng Nhà văn hóa bản Khe Cậy, xã Trùng Hóa	Trùng Hóa	Minh Hoá	0,04			0,04
29	Xây dựng Nhà văn hóa bản Si, xã Trùng Hóa	Trùng Hóa	Minh Hoá	0,04			0,04
30	Xây dựng nhà văn hóa Tở dân phố 9, thị trấn Quy Đạt	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	0,16			0,16
31	Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bố trí ổn định dân cư tại chỗ kết hợp xen ghép dân cư bản Ôốc, xã Dân Hóa	Dân Hóa	Minh Hoá	3,00			3,00
32	Xây dựng khu tái định cư Khe Sanh	Dân Hóa	Minh Hoá	0,94			0,94
33	Xây dựng khu tái định cư Mụ Tày, Lèn 1, Phá	Hóa Sơn	Minh Hoá	3,99			3,99
34	Xây dựng Khu tái định cư bản Ôn, xã Trùng Hóa	Trùng Hóa	Minh Hoá	4,55			4,55
35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật dân cư bản Mò o Ở Ở xã Trùng Hóa (giai đoạn 1)	Trùng Hóa	Minh Hoá	2,30			2,30
36	Xây dựng trụ sở cơ quan UBND huyện Minh Hóa	Thị trấn Quy Đạt	Minh Hoá	0,15			0,15
IV	Huyện Tuyên Hoá			1,78			1,78
37	Đường nội thôn thôn 3 Bắc Sơn (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) khu kinh tế Quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/Quân khu 4)	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	1,41			1,41
38	Điểm trường Mâm Non Thanh Lạng (Điểm trường bản Cả Xen)	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0,20			0,20

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
39	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 4 thôn xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hoá	Thanh Thạch	Tuyên Hóa	0,09			0,09
40	Xây dựng hệ thống cấp mới nước sinh hoạt từ khe Đèng cho 4 thôn xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa	Kim Hóa	Tuyên Hóa	0,08			0,08
V	Huyện Bố Trạch			5,04			5,04
41	Khắc phục khẩn cấp hồ Khe Chè và tuyến đường phía hạ lưu tràn xả lũ tại xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	1,93			1,93
42	Mở rộng trụ sở UBND xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,33			0,33
43	Mở rộng khuôn viên trường THCS Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,64			0,64
44	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn Khương Hà 4, xã Hưng Trạch (nay là Khu vực thôn Khương Hà 2)	Hưng Trạch	Bố Trạch	0,50			0,50
45	Nghĩa trang nhân dân khu vực thôn 7, xã Lâm Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,90			0,90
46	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn 6, xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,30			0,30
47	Khu vui chơi giải trí công cộng xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,44			0,44
Tổng (A + B): 70 công trình, dự án				130,56	17,09	2,19	111,28

Ghi chú: 70 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Tờ trình số:

/TTr-UBND ngày

tháng

năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
I	Huyện Quảng Trạch			2,81	2,33		0,48
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Phú	Quảng Phú	Quảng Trạch	0,20	0,07		0,13
2	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,36	0,25		0,11
3	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0,15	0,15		
4	Xây dựng Trụ sở công an xã Quảng Thanh	Quảng Thanh	Quảng Trạch	0,26	0,24		0,02
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0,21	0,21		
6	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp Quảng Trạch	Quảng Hưng	Quảng Trạch	1,63	1,41		0,22
II	Huyện Quảng Ninh			0,78	0,75		0,03
1	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Phong Dương	Lương Ninh	Quảng Ninh	0,41	0,38		0,03
2	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Khánh Huyền	Gia Ninh	Quảng Ninh	0,37	0,37		
III	Huyện Tuyên Hoá			0,21	0,20		0,01
1	Trụ sở Công an xã Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0,21	0,20		0,01
IV	Huyện Bố Trạch			0,17	0,08		0,09
1	Trụ sở công an xã Đại Trạch	Đại Trạch	Bố Trạch	0,17	0,08		0,09
Tổng cộng: 10 dự án				3,97	3,36		0,61

Ghi chú: 10 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số: /TTTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
I	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022	Đã phê duyệt		20,00			20,00
		Nay điều chỉnh		20,63			20,63
1	Khu đô thị Hải Ninh 2	Hải Ninh	Quảng Ninh	20,00			20,00
		Nay điều chỉnh		20,63			20,63
II	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		1,33		0,47	0,86
		Nay điều chỉnh		1,36		0,62	0,74
1	Đường nối từ bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh đến đường Phong Nha	Nam Lý	Đồng Hới	0,35			0,35
		Nay điều chỉnh		0,35		0,08	0,27
2	Đường vào thôn Diêm Sơn sát đường tránh thành phố	Đức Ninh	Đồng Hới	0,98		0,47	0,51
		Nay điều chỉnh		1,01		0,54	0,47
III	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã phê duyệt		0,52			0,52
		Nay điều chỉnh		0,53			0,53
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đã phê duyệt		0,52			0,52
		Nay điều chỉnh		0,53			0,53

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
IV	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Đã phê duyệt		0,03				0,03	
		Nay điều chỉnh		0,05				0,05	
1	Bồi thường, tái định cư thực hiện dự án Xây dựng công trình Hệ thống thủy lợi Rào Nan	Đã phê duyệt		0,03				0,03	
		Nay điều chỉnh		0,05				0,05	
		Quảng Sơn	Ba Đồn						
Tổng cộng (I+II+III+IV): 05 dự án				Đã phê duyệt		21,88	0,47		21,41
				Nay điều chỉnh		22,57	0,62		21,95

Ghi chú: 05 Công trình điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng